

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 04/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

2. Ông **Đỗ Xuân Vinh**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Ông **Kiêu Công Đô** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với cáo:

Lưu Văn T, sinh ngày 08/01/2002; Nơi thường trú: 3 N, khu phố C Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 04/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lưu Văn D và bà Lương Thị Ngọc H; Anh chi em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Quyết định số: 35/2021/QĐ-TA ngày 17/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng. Ngày 16/8/2023 Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2023 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra Lưu Văn T khai nhận: Nguồn gốc khẩu súng T có để cất giấu tàng trữ là vào khoảng tháng 01/2022 Lưu Văn T đến nhà của ông S tại huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ, nhân thân, lai lịch của ông S). Tại đây T quen biết với một người tên Bé T1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi quen biết, T thấy Bé T1 có một khẩu súng nhưng không có đạn, nên T hỏi xin Bé T1 cho T khẩu súng để sưu tầm, khoe khoang, thì Bé T1 đồng ý và đưa cho T khẩu súng. Sau đó T về phòng trọ (không nhớ tên) tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang lấy điện thoại tự chụp ảnh của mình và khẩu súng, lưu trong điện thoại và đăng ảnh lên mạng xã hội Facebook để khoe cho mọi người biết. Khoảng 02 ngày sau khi Bé T1 cho súng (không nhớ ngày), T lấy khẩu súng đem về nhà cô ruột tên Lưu Thị Ú tại số C đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cất giấu trong ngăn tủ thờ ở phòng khách.

Đến ngày 17/10/2022 T cùng một số đối tượng khác tham gia gây rối tại Công viên A thuộc Phường A, thành phố R, thì Công an phường A mời về làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động của T phát hiện có hình ảnh 01 khẩu súng, qua điều tra T thừa nhận khẩu súng trong ảnh là của T hiện đang cất giấu trong tủ thờ tại nhà của cô ruột là bà Lưu Thị Ú, sau đó T giao nộp cho Cơ quan công an.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:** 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, bán súng có ốp nhựa màu đen, thân súng bằng kim loại có số 18000910, không rõ nhãn hiệu.

*** Tại Kết luận giám định số:** 1183/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 khẩu súng gửi giám định nêu trên là súng chế tạo thủ công có tính năng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc nhóm vũ khí quân dụng. Súng bắn được đạn nổ.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKSTKG-P2 ngày 14/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:** Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Lưu Văn T không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo có thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T - mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án.

Bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Vào khoảng tháng 01/2022 Lưu Văn T đến nhà của ông S tại huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ, nhân thân, lai lịch của ông S). Tại đây T quen biết với một người tên Bé T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) và được Bé T1 cho một khẩu súng, T lấy điện thoại tự chụp ảnh của mình và khẩu súng, lưu trong điện thoại và đăng ảnh lên mạng xã hội Facebook để khoe cho mọi người biết. Sau đó T đem về nhà cô ruột tên Lưu Thị Ú cất giấu. Đến ngày 17/10/2022 Tỷ cùng một số đối tượng khác tham gia gây rối trật tự công cộng, Công an phường A, thành phố R mời về làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động của T phát hiện có hình ảnh 01 khẩu súng, qua điều tra T thừa nhận khẩu súng trong ảnh là của T hiện đang cất giấu trong tủ thờ tại nhà của cô ruột là bà Lưu Thị Ú, sau đó T giao nộp cho Cơ quan công an.

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan An ninh điều tra cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước. Vũ khí quân dụng là loại vũ khí mang tính sát thương rất cao, việc sử dụng vũ khí chỉ được sử dụng trong công tác đảm bảo an ninh quốc phòng và các lĩnh vực khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, cá nhân không được phép sở hữu vũ khí. Hành vi tàng trữ là bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị truy tố và xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nhân thân tốt nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó xử phạt mức án đầu khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với bị cáo T là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu giao Cơ quan chức năng quản lý: 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, bán súng có ốp nhựa màu đen, thân súng bằng kim loại có số 18000910, không rõ nhãn hiệu theo quy định.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lưu Văn T - 01 (Một) năm tù** về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu giao cơ quan chức năng quản lý: 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, bán súng có ốp nhựa màu đen, thân súng bằng kim loại có số 18000910, không rõ nhãn hiệu.

Theo đề nghị nhập kho vật chứng số: 803/ANĐT-Đ2 ngày 25/9/2023 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh K và L nhập kho số: 21/NTL ngày 01/10/2023 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh K.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại T (1);
- TAND Cấp cao tại thành phố HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh K (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh K;
- Bị cáo (3);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc H1

*** Nơi nhận:**

THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)

PHIÊN TÒA

- VKSNDCC tại T (1);

- TANDCC tại Thành phố HCM (1);

- VKSND tỉnh KG (1);

- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);

- THA tỉnh KG (1);

- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);

- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh K (1);

- Trại tạm giam - CA tỉnh K (3);

- Bị cáo (3);

- Lưu (7);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trương Ngọc H1

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của người bị hại, vay, mượn tiền của bị hại nhằm mục đích để làm ăn, tuy nhiên khi làm ăn thua lỗ thì bị cáo không trả tiền cho các bị hại mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tự nguyện bồi thường cho bị hại. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu bị cáo

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt cũng như phân trách nhiệm dân sự là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[6] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm về tội danh và trình bày các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[7] Về ý kiến các bị hại: Đề nghị xử theo pháp luật và yêu cầu trả lại tiền chiếm đoạt là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc H2 phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc H2 (.....) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ 19/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Ngọc H2 trả lại

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Ngọc H2 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Ngọc H2 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là đồng.

Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- tòa**
- VKSND Cấp cao tại thành phố HCM (1);
- TAND Cấp cao tại thành phố HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);

Hồng

- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (3);
- Bị hại (1);
- Luật sư (3);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Trương Ngọc

Tuy nhiên, việc bồi thường này chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm hình phạt cho bị cáo về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Long nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của luật sư đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

668.281.699đ (781.281.699đ – 95.000.000) bằng:
 $20.000.000đ + (668.281.699đ - 400.000.000đ = 268.281.699đ \times 4\%) =$
31.451.267 đồng (*ba mươi một triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*).

668.281.699đ (781.281.699đ – 95.000.000) bằng:
 $20.000.000đ + (668.281.699đ - 400.000.000đ = 268.281.699đ \times 4\%) =$
31.451.267 đồng (*ba mươi một triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*).

Vì các lẽ trên;

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), sau khi Long khảo sát 03 trạm bơm như Trạm bơm Kinh Tràm 1, Kinh Tràm 2 thuộc ấp Thanh Trúcxã Thanh Trị và Trạm bơm

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), cũng như lần thứ nhất, sau khi Long khảo sát các 03 trạm bơm như Trạm bơm Tư Tỷ 3, Tư Tỷ 4 và Tư Tỷ 5 thuộc ấp Phú Hiệp, xã Tân Hội, Long gọi điện

Lần thứ ba: Vào ngày 19/02/2022, cũng với thủ đoạn tương tự, Long cùng Vũ và Danh Đây tháo 15 máy biến áp loại 25 kVA và các thiết bị đi kèm tại 05 trạm bơm như Trạm bơm Tư Tỷ 1, Tư Tỷ 2 thuộc ấp Phú Hiệp, xã Tân Hội và Trạm bơm cống Huế Bá thuộc ấp Tân Hồng, xã Tân Hội và Trạm bơm cống xã3A, Cống xã 5A thuộc ấp Tân Lộc, xã thuê chệt của Điện chớ đế